

Số: 01/NQ-SAF/ĐHCĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10/4/2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10/4/2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco ngày 10 tháng 4 năm 2024 với 49 người tham dự (bao gồm: cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp), đại diện cho 11.149.547 cổ phần đạt tỷ lệ 92,55% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, đã biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

Điều 1. Thống nhất thông qua các báo cáo sau đây

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng, kế hoạch năm 2024.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

2. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 2. Thống nhất Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	64.988.244.376
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.556.972.975
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	67.545.217.351
3	Thuế TNDN năm 2023 (20% TNCT)	13.779.099.702
	- Thuế TNDN hiện hành	13.779.099.702
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	51.209.144.674
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	51.209.144.674
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	14.649.371.009
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	5.120.914.467
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LN sau thuế)	7.681.371.701
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LN sau thuế)	1.147.084.841
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.559.773.665
6	Lợi nhuận chia cổ tức	36.600.917.518
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.559.773.665
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	41.143.853
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL, trong đó:	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2024	461.147.518

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024, cụ thể:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng sản lượng bán ra : 15.000 tấn sản phẩm
- Tổng doanh thu : 820 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 62,5 tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	62.500.000.000
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.000.000.000
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.500.000.000
3	Thuế TNDN năm 2024 (20% TNCT)	12.900.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	49.600.000.000
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	49.600.000.000
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	11.731.040.000
	- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (20% LN sau thuế)	9.920.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LN sau thuế)	1.111.040.000
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	37.868.960.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	38.330.107.518
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	37.868.960.000
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	461.147.518
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	2.190.337.518

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 4. Thông qua quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký, cụ thể:

1. Thống nhất trích quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2023, như sau:

a) Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 5.953,104 triệu đồng.

b) Quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 804 triệu đồng.

2. Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý, quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024, cụ thể:

a) Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 6.681,36 triệu đồng.

b) Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 714 triệu đồng.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương của người quản lý, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024 nhưng không vượt quá tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 5. Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) đơn vị kiểm toán độc lập theo đề xuất trong tờ trình của Ban kiểm soát để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số 04 (bốn) đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 6. Thống nhất trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2024, số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2024.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 7. Thông qua quy chế bầu bổ sung Hội đồng quản trị 2023-2027, số lượng, danh sách ứng viên ứng cử HĐQT như sau:

- a) Thông qua Quy chế bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2027.
- b) Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: 02 thành viên.
- c) Danh sách ứng viên ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027 gồm các ông/bà có tên sau:

1. Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương
2. Ông Nguyễn Quang Tâm

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 8. Thống nhất kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027 như sau:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ biểu quyết	Ghi chú
1	Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	118,91%	
2	Ông Nguyễn Quang Tâm	81,09%	

Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất bầu Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương là Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco nhiệm kỳ 2023 - 2027.

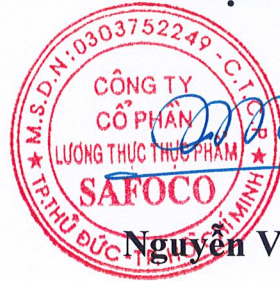
Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện đến Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2025. *NS*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Văn Hiến

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Tên Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

Địa chỉ : 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, Phường Linh Tây,
Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM.

Giấy CN ĐKDN : 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/4/2005 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 27/3/2023.

Thời gian họp : Bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Kết thúc lúc 12 giờ 30 phút ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Địa điểm họp : Hội trường Công ty, số 1079 Phạm Văn Đồng, phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

- Cổ đông: Đến thời điểm khai mạc, tổng số cổ đông tham dự là 49 cổ đông và người được ủy quyền họp, đại diện cho 11.149.547 cổ phần, chiếm 92,55% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ban Tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội.

2. Ông Nguyễn Trương Nguyễn, Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 11/3/2024 là 349 cá nhân và 17 tổ chức, tương ứng với 12.046.590 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Đến thời điểm 08 giờ 00 phút ngày 10/4/2024, có 31 cổ đông tham dự (bao gồm: cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp), đại diện cho 11.127.032 cổ phần đạt tỷ lệ 92,37% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Ông Nguyễn Tri Nghĩa, thay mặt Ban tổ chức, trình bày Chương trình Đại hội và Tờ trình dự kiến nhân sự Đại hội như sau:

- Đoàn Chủ tọa:

+ Ông Nguyễn Văn Hiến - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội;

+ Bà Phạm Thị Thu Hồng- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;

+ Ông Nguyễn Công Minh Khoa - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

- Ban Thư ký:

+ Ông Phan Xuân Tuân - Trưởng ban;

+ Bà Lưu Thị Hồng Hương - Thành viên.

- Ban Kiểm phiếu

+ Ông Lưu Quang Huy - Trưởng ban;

+ Ông Nguyễn Hùng Thiên Ân - Thành viên;

+ Ông Tạ Văn Thắng - Thành viên.

Đại hội biểu quyết thông qua như sau:

- *Tán thành: 31 phiếu, tương ứng 11.127.032 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Có ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

4. Ông Nguyễn Tri Nghĩa thay mặt Ban tổ chức trình bày Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội và xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua.

- *Tán thành: 31 phiếu, tương ứng 11.127.032 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Có ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

II. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

Sau khi Ông Nguyễn Văn Hiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị phát biểu khai mạc, Đại hội đã tiến hành chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

1. Ông Nguyễn Công Minh Khoa – Thành viên HĐQT trình bày: Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng, kế hoạch năm 2024.

2. Ông Nguyễn Trương Nguyên - Trưởng Ban kiểm soát trình bày: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

3. Bà Nguyễn Thị Nga – Kế toán trưởng trình bày: Tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC thực

hiện kiểm toán.

4. Ông Nguyễn Công Minh Khoa – TV.HĐQT, trình bày các tờ trình:

- a) Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024;
- b) Quỹ tiền lương người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- c) Trình chọn đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
- d) Trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2024;
- e) Trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027..

III. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Trương Nguyên – Đại diện Ban Kiểm tra tư cách cổ đông - báo cáo tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền hợp lệ đến 10 giờ 00 phút là 49 người, đại diện cho 11.149.547 cổ phần, chiếm 92,55% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Ông Lưu Quang Huy hướng dẫn cổ đông biểu quyết các nội dung trình Đại hội bằng Phiếu biểu quyết. Đại hội tiến hành biểu quyết.

2.1. Kết quả kiểm Phiếu biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết phát ra: 49 phiếu – tương ứng với 11.149.547 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu dự họp có quyền biểu quyết;
- Số phiếu biểu quyết thu về: 43 phiếu – tương ứng với 11.149.538 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu dự họp có quyền biểu quyết;
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 43 phiếu – tương ứng với 11.149.538 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu dự họp có quyền biểu quyết;
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu – tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết dự họp, chiếm 0% số cổ phần dự họp có quyền biểu quyết.

2.2. Kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

a) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng, kế hoạch năm 2024.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

b) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

c) Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

d) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Đvt: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	64.988.244.376
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.556.972.975
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	67.545.217.351
3	Thuế TNDN năm 2023 (20% TNCT)	13.779.099.702
	- Thuế TNDN hiện hành	13.779.099.702
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	51.209.144.674
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	51.209.144.674
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	14.649.371.009
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	5.120.914.467
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LN sau thuế)	7.681.371.701
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LN sau thuế)	1.147.084.841
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.559.773.665

Stt	Diễn giải	Số tiền
6	Lợi nhuận chia cổ tức	36.600.917.518
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.559.773.665
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	41.143.853
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL, trong đó:	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2024	461.147.518

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

đ) Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Đvt: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	62.500.000.000
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.000.000.000
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.500.000.000
3	Thuế TNDN năm 2024 (20% TNCT)	12.900.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	49.600.000.000
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	49.600.000.000
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	11.731.040.000
	- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (20% LN sau thuế)	9.920.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LN sau thuế)	1.111.040.000
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	37.868.960.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	38.330.107.518

Stt	Diễn giải	Số tiền
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	37.868.960.000
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	461.147.518
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	2.190.337.518

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

e) Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2023, cụ thể:

- Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 5.953,104 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký là 804 triệu đồng.

g) Thông qua kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2024, như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 6.681,36 triệu đồng.

- Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký là 714 triệu đồng.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương người quản lý, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2024 nhưng không vượt quá tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

h) Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, như sau:

- Sản lượng bán ra : 15.000 tấn sản phẩm;

- Tổng Doanh thu : 820 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 62,5 tỷ đồng.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

i) Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) đơn vị kiểm toán độc lập theo đề xuất trong tờ trình của Ban kiểm soát để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số 04 (bốn) đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2024.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

k) Thống nhất trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2024 với số tiền 700 triệu đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 11.149.538 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

V. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 – 2027

1. Ông Lưu Quang Huy trình bày Quy chế bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2027, số lượng, danh sách ứng viên ứng cử HĐQT như sau:

a) Thông qua Quy chế bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2027. b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 02 thành viên.

c) Danh sách ứng viên ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027 gồm các ông có tên sau:

- Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương;
- Ông Nguyễn Quang Tâm.

Đại hội biểu quyết bằng thẻ thông qua như sau:

- *Tán thành: 49 phiếu, tương ứng 11.149.547 cổ phần, tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp;*

- *Không tán thành: 0 phiếu, tỷ lệ 0%;*

- *Có ý kiến khác: 0 phiếu, tỷ lệ 0%.*

2. Sau khi Ông Lưu Quang Huy hướng dẫn phương thức bầu dồn phiếu, Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027.

3. Ông Lưu Quang Huy – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả:

Stt	Họ và tên	Số lượng quyền biểu quyết hợp lệ	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	13.257.548	118,91%
2	Ông Nguyễn Quang Tâm	9.041.528	81,09%

Căn cứ các quy định của pháp luật, quy chế bầu cử đã thông qua tại Đại hội, kết quả kiểm phiếu Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương và Ông Nguyễn Quang Tâm đã trúng cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027.

Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất bầu Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương là Chủ tịch HĐQT chuyên trách nhiệm kỳ 2023 - 2027 với 5/5 số phiếu đạt tỷ lệ 100%.

VI. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Phan Xuân Tuân - Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Đại hội biểu quyết thông qua như sau:

- *Tán thành: 49 phiếu, tương ứng 11.149.547 cổ phần, tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp;*

- *Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Có ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

VII. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

- Ông Nguyễn Văn Hiến – Chủ tọa Đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco kết thúc vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày.





CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, P. Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 028 37245264

Fax: 028 37245263

Website: www.safoco.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian tổ chức: *Lúc 08h00, thứ Tư ngày 10 tháng 4 năm 2024*

Địa điểm : *Văn phòng Công ty, số 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh*

Thời gian	Nội dung
07h30 - 08h00	<ul style="list-style-type: none">- Tiếp đón cổ đông, khách mời;- Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu.
08h00 - 08h20	I. Nghi thức khai mạc Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự;- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và thông qua: <ul style="list-style-type: none">- Chương trình Đại hội.- Danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.- Quy chế làm việc tại Đại hội.
08h20 - 10h50	II. Nội dung chính <ol style="list-style-type: none">1. Phát biểu khai mạc Đại hội.2. Báo cáo công tác quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng, kế hoạch năm 2024;3. Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;5. Trình Đại hội thông qua các tờ trình:<ol style="list-style-type: none">a) Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024;b) Quỹ tiền lương người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2023 và kế hoạch năm 2024;c) Trình chọn đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;d) Trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2024;

Thời gian	Nội dung
	<p>e) Trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027</p> <p>6. Đại hội thảo luận, tiếp thu và giải đáp ý kiến.</p> <p>7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung tờ trình (<i>bằng phiếu biểu quyết</i>)</p> <p>8. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2027</p> <p>a) Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên;</p> <p>c) Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông tiến hành bầu cử.</p>
10h50 - 11h10	Nghỉ giải lao
11h10 - 11h40	<p>III. Ban kiểm phiếu/Ban bầu cử công bố kết quả</p> <p>- Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.</p> <p>- Kết quả bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027.</p> <p>- Hội đồng quản trị họp bầu Chủ tịch HĐQT</p>
11h40 - 11h50	<p>V. Thông qua Nghị quyết</p> <p>- Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024.</p> <p>- Bế mạc Đại hội.</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website:www.safocofood.com

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (gọi tắt là Công ty).

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và các bên tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 11/3/2024 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

3.2. Quyền của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3.3. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội

- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội phải xuất trình giấy Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu và thư mời họp hoặc Giấy ủy quyền (đối với đại diện theo ủy quyền).

- Cổ đông phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các đại biểu tham dự phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Các đại biểu phải giữ bí mật, sử dụng và bảo quản tài liệu đúng quy định, không sao chép, ghi âm, ghi hình Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.

Điều 4. Đoàn Chủ tọa

4.1. Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa và 02 thành viên, được Đại hội biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết, trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 5. Ban Thư ký Đại hội

5.1. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên, được Đại hội biểu quyết thông qua và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

5.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông chuyển Đoàn Chủ tọa.

- Ghi biên bản Đại hội đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

- Soạn thảo và thông qua Nghị quyết tại Đại hội.

Điều 6. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

6.1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

6.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến dự họp.

- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được tổ chức tiến hành.

Điều 7. Ban kiểm phiếu và bầu cử

7.1. Ban kiểm phiếu và bầu cử gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên, do Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

7.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu và bầu cử

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

- Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử đã được Đại hội thông qua.

- Lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và công bố kết quả trước Đại hội.

Điều 8. Thảo luận tại Đại hội

8.1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông.

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào “*Phiếu đăng ký*” và chuyển cho Thư ký Đại hội.

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa.

- Đại biểu khi cần phát biểu thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu, mỗi ý kiến phát biểu không quá 03 phút.

8.2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở “*Phiếu đăng ký*” của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

9.1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông.

a) Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội như: Chương trình họp; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu; Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị; Nghị quyết Đại hội...

b) Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng, kế hoạch năm 2024;

- Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;

- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024;

- Thông qua quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Chọn đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024;
- Trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2024;
- Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027.

9.2. Cách biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Đoàn Chủ tọa.

b) Phiếu biểu quyết: Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách lựa chọn phương án (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*) vào từng nội dung cần biểu quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền và các bên tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Văn Hiến



Số: 02/BC-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục có những biến động khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột Nga-U-crai-na diễn biến phức tạp. Lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của các nước trên thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của nước ta tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, GDP đạt mức tăng trưởng 5,05%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra nhưng là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Bên cạnh kết quả đạt được, kinh tế nước ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động từ những cuộc xung đột trên thế giới, khiến giá nguyên, nhiên phụ liệu sản xuất tăng cao, cùng với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia đã làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn, dẫn đến đơn hàng xuất khẩu sụt giảm nghiêm trọng, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm lao động.

Để hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất, Chính phủ đã đề ra giải pháp như: miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất; giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng xuống còn 8%; đa dạng hóa nguồn cung nguyên, nhiên, phụ liệu, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các rào cản thương mại, kể cả các biện pháp phòng vệ thương mại; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, ứng dụng thương mại điện tử trong tiếp cận thị trường, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.... Do vậy, năm 2023 cả nước có 217,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 4,5% so với năm 2022, tuy nhiên số doanh nghiệp rút khỏi thị trường vẫn còn cao (172,6 nghìn doanh nghiệp) tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Riêng về ngành công nghiệp chế biến, theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của Tổng Cục thống kê, trong quý IV/2023 có 69,6% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, 30,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn do không

xuất khẩu được hàng, tiêu thụ ở thị trường trong nước thấp, giá nguyên vật liệu tăng, chi phí logistics quá cao...

Ngoài những khó khăn chung, Công ty Safoco cũng gặp rất nhiều khó khăn:

- Thời tiết diễn biến bất thường, 6 tháng đầu năm, do tác động của EL Nino nên ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ liên tục có các đợt nắng nóng gay gắt (nhiệt độ có nơi lên tới trên 40°C), người dân hạn chế ra đường, chủ yếu sử dụng các thực phẩm giải nhiệt, nhu cầu tiêu thụ các thực phẩm khác giảm mạnh. 6 tháng cuối năm, mưa bão, lũ quét, sạt lở đất xảy ra ở các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, vì vậy sản lượng tiêu thụ của đại lý ở khu vực này giảm do đặc thù sản phẩm Safoco phải qua nấu sơ chế.

- Ngay từ cuối quý IV/2022, các doanh nghiệp trong nước gặp rất nhiều khó khăn do không có đơn hàng sản xuất, chi phí nguyên liệu tăng cao, buộc phải giảm lao động, giảm giờ làm, để duy trì hoạt động. Chỉ tính đến tháng 09/2023, cả nước có hơn 1,07 triệu lao động thất nghiệp (tập trung nhiều nhất là ở Bình Dương, Tp.HCM), thu nhập giảm, đời sống người dân rất khó khăn, buộc phải thắt chặt chi tiêu, chỉ tập trung mua sắm các mặt hàng tiêu dùng thật sự cần thiết. Hoạt động kinh doanh mua bán ở các chợ truyền thống rất ế ẩm, nhiều tiểu thương phải đóng cửa, sang sạp, tại các siêu thị cao cấp, trung tâm thương mại, thậm chí vào ngày cuối tuần vẫn vắng khách, hàng hóa bán ra rất chậm. Do vậy, cạnh tranh trên thị trường rất gay gắt, để có doanh thu các đối thủ liên tục tung các chương trình khuyến mãi sốc (mua 1 tặng 1, giảm giá 50% khi mua sản phẩm thứ 2, tăng mức chiết khấu lên từ 20-35%...) nhằm giải phóng hàng tồn kho.

- Mặt khác, ngay đầu năm, các nhà cung cấp nguyên, nhiên, phụ liệu liên tục tăng giá từ 15 – 30% (cụ thể: gạo tăng 21%, bột gạo khô tăng 18%, tinh bột sắn tăng 25%, xăng tăng 11%, điện tăng 7,5%), giá nguyên liệu tăng cao nhưng Công ty không thể tăng giá bán mà còn phải tăng cường khuyến mãi, tăng mức chiết khấu lên từ 20-30% để thúc đẩy lượng tiêu thụ, giữ thị phần, chi phí tăng cao dẫn đến lợi nhuận đạt thấp.

- Hoạt động xuất khẩu cũng gặp rất nhiều khó khăn, do ảnh hưởng nhu cầu tiêu dùng trên thế giới sụt giảm, bên cạnh đó, các quy định, rào kỹ thuật thương mại nhằm bảo hộ sản xuất trong nước ngày càng gia tăng, nhất là ở thị trường EU (như: Luật thẩm định chuỗi cung ứng (có hiệu lực từ 01/01/2023), chính sách liên quan đến thuế carbon cho hàng hoá nhập khẩu vào EU (hiệu lực từ tháng 10/2023)...). Ngoài ra, theo quy định EU 2023/1110, kể từ ngày 27/6/2023, các sản phẩm từ gạo của Việt Nam được gỡ bỏ khỏi danh mục kiểm soát khẩn cấp khi xuất khẩu vào thị trường châu Âu, tuy nhiên EU sẽ tăng cường kiểm soát trong 6 tháng cuối năm, nếu có nhiều vụ vi phạm quy định về an toàn thực phẩm thì EU sẽ tăng giám sát lên mức 50%. Do vậy, ngay từ quý II khách hàng của Safoco ở thị trường EU đã giảm đơn hàng, để tìm hiểu rõ hơn những quy định trên, ngại rủi ro khi nhập khẩu bị hải quan giữ hàng.

- Thêm vào đó, tỷ giá giữa đồng nội tệ của một số nước châu Á so với đồng USD liên tục biến động (như: đồng Yên của Nhật Bản, Bath của Thái Lan, Nhân dân tệ của Trung Quốc), các khách hàng nhập khẩu sản phẩm Safoco bằng đồng USD cân đối giữa mua và bán ra, bị lỗ quá lớn, nên không có nhu cầu đặt hàng, mặc dù Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp hỗ trợ, giảm giá linh hoạt nhưng sản lượng xuất khẩu ở thị trường này vẫn giảm so với cùng kỳ 2022.

- Theo Quyết định 05/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất từng khu vực, đơn giá thuê đất năm 2023 của mặt bằng 1079 Phạm Văn Đồng, 1614 Võ Văn Kiệt và 49/1 Hòa Bình tăng từ 40 – 65%, tiền thuê đất của ba mặt bằng trên tăng từ 7,1 tỷ lên 11,3 tỷ đồng.

Bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có những thuận lợi sau:

- Công ty được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn, Văn phòng và các Ban nghiệp vụ Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Safoco có tầm nhìn, hoạch định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành có bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đã có những quyết sách kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình thực tế và quan trọng nhất là phát huy được tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ, đồng lòng của tập thể người lao động trong Công ty, biến thách thức, khó khăn thành cơ hội thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

- Hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao về điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và hoàn tất đăng ký tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Safoco là 50% (theo công văn số 4256/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

- Công ty thực hiện xong việc thiết kế, nâng cấp website safocofood.com, đổi mới giao diện đẹp mắt, hình ảnh sản phẩm sống động, cung cấp đầy đủ thông tin, hoạt động sản xuất kinh doanh qua từng thời kỳ, công khai minh bạch báo cáo tài chính, để cổ đông yên tâm đầu tư, qua đó quảng bá, nâng cao uy tín thương hiệu Safoco đến khách hàng trong và ngoài nước.

- Thực hiện theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty Safoco được giảm tiền thuê đất phải nộp năm 2022 hơn 1,23 tỷ đồng.

- Công ty đã áp dụng công nghệ số vào hoạt động quản trị, vận hành nội bộ, sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, khai báo thuế, bảo hiểm xã hội, báo cáo lao động trực tuyến, trang bị và sử dụng chữ ký số, nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Năm 2023, thật sự rất khó khăn, thời tiết diễn biến phức tạp, thị trường tiêu thụ trầm lắng, chi phí sản xuất tăng cao, tỷ giá liên tục biến động, đơn hàng xuất khẩu sụt giảm, các đối thủ cạnh tranh khốc liệt... Trước tình hình khó khăn đó, Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các phòng kinh doanh nội địa, phòng xuất nhập khẩu đã trực tiếp đi thị

trường, làm việc với đại lý của các tỉnh trong nước và khách hàng xuất khẩu (như: Thái Lan, Singapore, Philippine, Nhật, Hàn Quốc...). Ngoài ra, còn tham gia cùng với Đoàn giao dịch xúc tiến thương mại do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Cục xúc tiến thương mại tổ chức, sang các nước Anh, Indo, Iran, Hàn Quốc, Trung Quốc... để tìm hiểu, mở rộng thị trường, tìm kiếm đơn hàng, tùy cơ ứng biến, có chương trình khuyến mãi cho tất cả các hệ thống đại lý, siêu thị kịp thời để gia tăng sản lượng, với mục tiêu đặt ra là phải giữ được thị trường, duy trì sản xuất để người lao động có việc làm, cho dù lợi nhuận có đạt thấp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng phát triển bền vững thương hiệu Safoco, ngày càng uy tín, lan tỏa mạnh mẽ ở thị trường trong nước và quốc tế. Năm 2023, thương hiệu Safoco vinh dự được bình chọn: Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam; Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN; Top 10 Thương hiệu xuất sắc Châu Á; Top 10 Thương hiệu mạnh Quốc gia; Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương; Thương hiệu xuất sắc toàn cầu.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện năm 2023 so	
						Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	820.000	803.921	802.540	98,04	100,17
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	16.000	14.389	14.882	89,93	96,69
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	15.000	13.784	14.073	91,89	97,95
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.000	64.988	65.550	98,47	99,14
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	28.500	31.627	26.613	110,97	118,84

b) Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, người lao động còn được hưởng nhiều chế độ phúc lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể như: chi tiền ngày Tết Dương lịch, hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, Giỗ tổ Hùng Vương; ngày lễ 30/4 và 1/5; Quốc khánh 2/9, tặng quà Tết Trung thu, quà cho chị em phụ nữ nhân ngày 8/3, 20/10.

- Đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động, thu nhập tăng trưởng hàng năm, trả lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng, năng suất lao động, hiệu quả công việc.

- Tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy năng lực tối đa, thường xuyên tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo định kỳ và ngắn hạn để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, có các giải pháp đãi ngộ, thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý và xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa đạt hiệu quả.

c) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2023, Công ty thực hiện đã thực hiện 03 hạng mục đầu tư, tổng giá trị 1.973 triệu đồng, trong đó:

- Hoàn thành 02 hạng mục mua sắm, tổng giá trị: 1.432 triệu đồng;
- Thực hiện dở dang 01 hạng mục, giá trị tạm ứng: 541 triệu đồng.

Các hạng mục đầu tư đều mang lại hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư kịp thời đưa vào sản xuất, gia tăng sản lượng đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Hạng mục đầu tư được điều chỉnh phù hợp với diễn biến của thị trường, khả năng triển khai và tình hình thực tế của công ty.

Ngoài ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

d) Công tác bảo vệ môi trường

Công ty luôn nhận thức rằng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh luôn gắn với trách nhiệm bảo vệ môi trường, đây là yếu tố vừa ràng buộc, vừa là ý thức tự thực hiện trong quá trình tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước;
- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường: áp dụng công nghệ mới, đầu tư thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quy trình sản xuất, lựa chọn nguyên liệu thân thiện môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường...Sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm lượng năng lượng hao phí trong quá trình sử dụng.
- Nâng cao nhận thức người lao động về ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng, nước hợp lý, tiết kiệm, phân loại rác thải trước khi thải ra môi trường.

e) Hoạt động xã hội từ thiện

Công ty luôn xác định phát triển kinh doanh phải gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội, đây cũng chính là văn hóa của Công ty. Do đó, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động xã hội từ thiện được Công ty duy trì phát động hàng năm và được Cổ đông, toàn thể CB.CNV hưởng ứng tham gia bằng những việc làm cụ thể như:

- Hỗ trợ 950 phần quà cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn của Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, phường 7 quận 6, phường 6,7 quận 10, nhân ngày thương binh liệt sĩ với số tiền 178 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây 01 căn nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn của huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre với số tiền 50 triệu đồng.

- Ủng hộ Quỹ "Vì biển đảo Việt Nam"; Quỹ "Vì người nghèo" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động với số tiền 428 triệu đồng.

- Hỗ trợ 800 kg sản phẩm Safoco cho Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi với số tiền 44 triệu đồng.

Tổng số tiền thực hiện công tác từ thiện xã hội từ nguồn quỹ cổ đông đóng góp năm 2023 là 700 triệu đồng.

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Theo dõi tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ và báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành, quản lý.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đúng quy định của pháp luật.

- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc yêu cầu làm rõ/giải trình các nội dung trước khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2023 là 552.000.000 đồng, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng/người/tháng;

- Thành viên HĐQT : 09 triệu đồng/người/tháng.

3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp (trong đó 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, có sự tham gia dự họp của các thành viên Ban kiểm soát.

Các quyết định, chỉ đạo của HĐQT đều được ban hành nghị quyết và quyết định để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Trong năm, HĐQT đã ban hành 07 nghị quyết và 09 quyết định, nội dung các nghị quyết, quyết định đã được thể hiện trên Báo cáo quản trị Công ty năm 2023 và đã được công bố thông tin theo quy định.

4. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ của công ty, thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của HĐQT để đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Cổ đông.

- Ban Tổng giám đốc quản lý tốt rủi ro, kiểm soát chặt chẽ chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có tầm nhìn, nhạy bén, định hướng đúng trong chiến lược phát triển bền vững, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu Safoco ngày càng lan tỏa rộng rãi ở thị trường trong nước và quốc tế.

- Trong công tác sản xuất, luôn duy trì và kết hợp có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 và HACCP. Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tốt nhất trước khi đưa ra thị trường.

- Duy trì và phát triển hệ thống phân phối sẵn có rộng khắp cả nước thông qua các đại lý truyền thống, kênh siêu thị cao cấp, các cửa hàng tiện ích, đồng thời không ngừng khai thác thêm các cửa hàng tạp hóa, điểm bán nhỏ lẻ ở vùng sâu để tăng độ phủ, nhằm quảng bá, lan tỏa thương hiệu và gia tăng sản lượng.

- Đối với thị trường xuất khẩu, nắm bắt kịp thời các tiêu chuẩn nhập khẩu nghiêm ngặt, khắt khe, những phong tục tập quán, thị hiếu của từng nước nhập khẩu, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường. Hiện nay, sản phẩm của Safoco cũng đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Canada, Nga, Na Uy, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước thuộc khối Asian...

- Thực hiện tốt công tác quản trị tài chính, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước.

- Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới máy móc thiết bị, khai thác tối đa công suất nhà máy, ổn định sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ thị trường.

- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định, các chế độ, quyền lợi thực hiện đúng hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy định Bộ Luật lao động.

- Công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

5.1. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ (KTNB)

Ban KTNB được thành lập theo Nghị quyết số 06/NQ-SAF/HĐQT ngày 09/8/2021 là một bộ phận trực thuộc HĐQT của Công ty. Ban KTNB hoạt động theo Quy chế KTNB do HĐQT ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-SAF/HĐQT ngày 10/8/2021 phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Kết quả hoạt động của Ban KTNB trong năm 2023

- Ban KTNB đã thực hiện kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của công tác quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu đề ra, xem xét, đánh giá báo cáo tài chính định kỳ quý, bán niên và năm của Công ty trước khi Ban điều hành trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Ban KTNB đã đưa ra các báo cáo phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, tính khả thi của các hạng mục đầu tư trong năm 2023, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị liên quan đến quản lý rủi ro, quy trình quản trị và được Ban điều hành, các phòng, bộ phận nghiệp vụ tiếp nhận, trao đổi, phối hợp triển khai thực hiện.

- Thống nhất với ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) về báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty, cụ thể:

+ Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật;

+ Trong năm không có sự thay đổi nào về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố;

+ Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý làm sai lệch báo cáo.

- Ngoài ra, Ban KTNB còn hỗ trợ công ty trong công tác xúc tiến thương mại để thúc đẩy công tác bán hàng, tham gia đóng góp ý kiến với Ban điều hành trong việc chỉnh sửa, hoàn thiện Catalogue, Website Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH 2024

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chưa thể hồi phục hoàn toàn, một số nước đối tác thương mại lớn của Việt Nam (như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản) dự báo tăng trưởng giảm, xung đột địa chính trị giữa Nga-Ukraine, Israel-Hamas tiềm ẩn nguy cơ tác động tiêu cực đến giá năng lượng, chi phí lương thực, kéo theo lạm phát toàn cầu tăng mạnh, thậm chí có thể cao hơn năm 2023.

Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả đạt được trong năm 2023, nền kinh tế vẫn còn nhiều rủi ro, thách thức do ảnh hưởng những bất ổn trên thế giới, xuất nhập khẩu dự báo tăng trưởng tốt hơn nhưng vẫn ở mức thấp, nhu cầu tiêu dùng trong nước có chiều hướng giảm. Bên cạnh đó, các quốc gia sẽ có xu hướng gia tăng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng khắt khe hơn, đặc biệt từ phía Mỹ, khiến nhiều doanh nghiệp bị động, hàng xuất khẩu Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với ngày càng nhiều cuộc điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài.

Ngoài những khó khăn chung, trong năm 2024 Công ty Safoco cũng có những thuận lợi, khó khăn như:

a) Thuận lợi:

- Phát huy được sức mạnh đoàn kết thống nhất từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể người lao động cùng quyết tâm hoàn thành mục tiêu chung vì sự phát triển bền vững của Công ty.

- Sản phẩm Safoco có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (tiêu chuẩn của khối EU, FDA của nước Mỹ, FDA của Hàn quốc, đạt chứng nhận HALAL, FREE GLUTEN), quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, quy trình quản lý an toàn thực phẩm đạt chuẩn ISO 22000:2018 và HACCP.

- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước thông qua các đại lý truyền thống, kênh siêu thị cao cấp, các cửa hàng tiện ích, điểm bán, cửa hàng nhỏ lẻ... ở 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Thị trường xuất khẩu, sản phẩm Safoco đã được xuất khẩu hơn 120 quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Canada, Nga, Na Uy, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

- Ngày 03/10/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất năm 2023 (có hiệu lực ngày 20/11/2023), ngày 24/11/2023 Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ đề nghị giảm, dự kiến số tiền thuê đất được giảm hơn 1,9 tỷ đồng.

- Theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023, trong đó thông qua nội dung tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến hết 30/6/2024 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%.

b) Khó khăn:

- Theo Trung tâm khí tượng thủy văn Quốc gia, hiện tượng ELNino có thể sẽ kéo dài sang năm 2024, dự báo trong quý I, khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ rét đậm, rét hại trên diện rộng, ở các tỉnh Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ nắng nóng có khả năng xuất hiện sớm và đặc biệt gay gắt, do vậy sản lượng tiêu thụ của các đại lý của khu vực này sẽ giảm.

- Hiện nay, Việt Nam gia nhập nhiều tổ chức kinh tế quốc tế: WTO, ASEAN, APEC và tham gia các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP,...), vì vậy ngày càng nhiều tập đoàn nước ngoài có ưu thế về công nghệ, tiềm lực tài chính dồi dào, cùng với những ưu đãi về thuế quan, các rào cản thương mại bị xóa bỏ khi hội nhập... đã đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất trong nước, khiến cho các doanh nghiệp đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng sản phẩm, giá cả, thương hiệu... với các nhà đầu tư nước ngoài và Safoco cũng không ngoại lệ.

- Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, nhu cầu thu mua gạo dự trữ của một số quốc gia (như: Indonesia, Trung Quốc, Philippines) vẫn tương đối cao, trong khi Ấn Độ vẫn kéo dài lệnh hạn chế xuất khẩu gạo đến năm 2024, do vậy giá gạo xuất khẩu dự báo tiếp tục tăng, dẫn đến giá nguyên liệu gạo trong nước cũng tăng theo. Bên cạnh đó, giá một số nguyên, nhiên, phụ liệu (bột mì, tinh bột sắn, bao bì, thùng...) cũng thông báo tăng giá từ 10 - 15% kể từ đầu năm 2024, làm tăng chi phí giá thành sản phẩm.

Mặc dù dự báo có nhiều khó khăn, thuận lợi nêu trên nhưng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể người lao động trong công ty quyết tâm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Sản lượng bán ra : 15.000 tấn sản phẩm.
- Tổng Doanh thu : 820 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 62,5 tỷ đồng.

2. Các giải pháp thực hiện:

- Luôn đặt tiêu chí chất lượng lên hàng đầu, kiểm tra chặt chẽ nguyên phụ liệu đầu vào, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã bao bì... cam kết sản xuất và cung cấp ra thị trường sản phẩm có chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, phù hợp với tiêu chuẩn Bộ Y tế và các nước nhập khẩu.

- Khai thác, vận hành máy móc thiết bị sản xuất một cách hiệu quả, kiểm soát tiêu hao chi phí nguyên liệu, hợp lý hóa quy trình sản xuất, tăng thu hồi thành phẩm, giảm giá thành, nâng sức cạnh tranh.

- Giữ vững khách hàng truyền thống, tiếp tục mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, thâm nhập các thị trường xuất khẩu mới, khai thác thêm khách hàng, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm mang thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài.

- Tiếp tục kiểm soát vốn chặt chẽ, đối chiếu và thu hồi công nợ đúng quy định trong các hợp đồng đã ký; chủ động sắp xếp các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giám sát chặt chẽ việc thực hành tiết kiệm chi phí trong hoạt động sản xuất góp phần giảm giá thành, mang lại hiệu quả chung cho Công ty.

- Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ quý, bán niên, năm đúng thời gian quy định, công khai minh bạch để giúp các nhà đầu tư nắm bắt các thông tin chính xác.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ tự động hóa vào sản xuất để gia tăng sản lượng, giảm công đoạn thủ công, giảm giá thành, nâng sức cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng tay nghề phù hợp với mục tiêu phát triển Công ty, nâng cao năng suất lao động.

- Quan tâm, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ và thu hút nhân sự.

Năm 2023, mặc dù kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, nhưng Ban Điều hành đã có những quyết sách chính xác, kịp thời, năng động, nhạy bén trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự đồng lòng ủng hộ của người lao động, dốc sức hoàn thành nhiệm vụ, với kết quả rất đáng ghi nhận và khích lệ như sau: sản lượng tiêu thụ 13.784 tấn, đạt 91,9% kế hoạch, doanh thu 803,9 tỷ đồng, đạt 98,04% kế hoạch; lợi nhuận 65 tỷ đồng, đạt 98,5% kế hoạch; tiền lương bình quân của người lao động đạt 16,31 triệu đồng/người/tháng, chế độ phúc lợi được thực hiện đầy đủ, đúng thỏa ước đã ký, nộp ngân sách nhà nước 31,6 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch, dự kiến chi trả cổ tức 30%/vốn điều lệ, đây là nỗ lực rất lớn của tập thể Công ty Safoco trong giai đoạn hiện nay.

Bước sang năm 2024, năm thứ 2 của nhiệm kỳ 2023-2027, dự báo sẽ có những thuận lợi, khó khăn nêu trên, nhưng được sự tin tưởng của Đại hội đồng cổ đông, sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của Ban lãnh đạo Tổng Công ty Lương thực miền Nam-CTCP, Hội đồng quản trị Safoco chỉ đạo đúng hướng, cùng với tinh thần đoàn kết, chung sức, đồng lòng, năng động, đổi mới, sáng tạo, không lùi bước trước khó khăn, thách thức của tập thể Ban điều hành và người lao động, cùng quyết tâm, nỗ lực hơn nữa để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra.

Với triết lý kinh doanh “Đặt lợi ích sức khỏe người tiêu dùng lên trên hết”, Công ty luôn xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, người lao động là tài sản vô giá, kinh doanh phải đảm bảo hài hòa lợi ích Công ty - Cổ đông - Người lao động và các bên liên quan, quản trị nguồn vốn tốt, bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, tuân thủ nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước. Safoco luôn tự tin rằng với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, luôn đổi mới, nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển bền vững, trong tương lai các sản phẩm mang thương hiệu Safoco sẽ tiếp tục vươn xa, chinh phục được các thị trường khó tính nhất, phát huy giá trị và khẳng định vị thế của SAFOCO - Thương hiệu quốc gia Việt Nam trên thị trường quốc tế.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiến

Nguyễn Văn Hiến

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 37
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

5011110
CHI NH
CÔNG TY
NG KIẾ
AAS
1-TP. H

0375
CÔNG
CỔ PH
THỰC
AFC
C-TP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được chuyển đổi từ Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc “Chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco thành công ty cổ phần”. Tên giao dịch quốc tế Safoco Foodstuff Joint Stock Company, viết tắt là SAFOCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303752249 (được đổi từ số 4103003305) đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và thay đổi lần thứ mười sáu ngày 27/03/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Văn Hiến	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Thao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Trương Nguyễn	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07/04/2023)
Bà Phạm Liên Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07/04/2023)
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07/04/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hồng

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco được lập ngày 15 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

00111
CHI I
CÔNG
ING K
AI
4-TP

3037
CÔN
CỔ
NG THỤ
SAF
ƯC-T

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH KPMG. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2024

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2023-002-1

105-00
HÃNG KIỂM TOÁN AASC
HỒ CHÍ MINH

522
HÃNG KIỂM TOÁN AASC
HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		231.673.230.206	242.888.502.376
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	55.316.401.129	61.843.491.404
111	1. Tiền		20.816.401.129	35.343.491.404
112	2. Các khoản tương đương tiền		34.500.000.000	26.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	46.502.150.000	63.502.150.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.150.000	2.150.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.500.000.000	63.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.200.422.121	46.535.977.443
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	29.317.387.919	44.678.912.033
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	1.088.488.962	9.566.277
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.794.545.240	1.847.499.133
140	IV. Hàng tồn kho	08	90.108.730.561	65.671.674.159
141	1. Hàng tồn kho		90.108.730.561	65.671.674.159
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.545.526.395	5.335.209.370
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	189.868.242	180.848.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.355.658.153	5.154.361.370
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.282.708.772	32.065.458.460
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		48.100.000	39.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	48.100.000	39.000.000
220	II. Tài sản cố định		26.221.274.772	32.000.763.460
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	6.482.238.772	12.186.727.460
222	- Nguyên giá		151.540.470.780	155.319.699.386
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(145.058.232.008)	(143.132.971.926)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	19.739.036.000	19.814.036.000
228	- Nguyên giá		19.889.036.000	19.889.036.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.000.000)	(75.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.334.000	25.695.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13.334.000	25.695.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		257.955.938.978	274.953.960.836

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		81.006.108.637	98.841.303.204
310	I. Nợ ngắn hạn		81.006.108.637	98.841.303.204
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.840.054.487	17.645.114.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	4.150.389.360	3.875.289.926
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.864.283.471	5.136.842.643
314	4. Phải trả người lao động		47.140.135.092	50.139.164.162
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.531.265.371	8.494.571.011
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.479.980.856	13.550.321.033
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		176.949.830.341	176.112.657.632
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	176.949.830.341	176.112.657.632
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.465.900.000	120.465.900.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		120.465.900.000	120.465.900.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.233.641.814	63.359.932
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		51.250.288.527	55.583.397.700
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		41.143.853	3.880.578.881
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		51.209.144.674	51.702.818.819
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		257.955.938.978	274.953.960.836

Đỗ Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	798.230.304.665	799.958.253.537
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	5.426.694.129	7.264.752.056
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		792.803.610.536	792.693.501.481
11	4. Giá vốn hàng bán	20	648.656.716.511	645.977.699.923
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.146.894.025	146.715.801.558
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.711.299.758	8.050.704.554
22	7. Chi phí tài chính	22	481.836.928	1.458.935.816
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	67.344.530.716	66.082.533.316
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	21.723.204.685	23.037.627.023
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.308.621.454	64.187.409.957
31	11. Thu nhập khác	25	2.406.540.349	1.795.740.385
32	12. Chi phí khác	26	726.917.427	433.344.677
40	13. Lợi nhuận khác		1.679.622.922	1.362.395.708
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.988.244.376	65.549.805.665
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	13.779.099.702	13.768.513.575
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	78.473.271
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		51.209.144.674	51.702.818.819
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.518	3.552

Đỗ Ngọc Thắm
Người lập


Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		823.426.292.342	778.793.611.796
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(629.477.678.910)	(600.318.526.994)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(138.076.364.728)	(136.799.352.177)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.798.379.414)	(12.556.020.989)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.198.678.010	7.452.521.447
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.083.999.527)	(34.040.171.437)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>11.188.547.773</i>	<i>2.532.061.646</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.431.920.364)	(4.457.965.344)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		789.263.300	282.683.502
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(117.500.000.000)	(177.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		134.500.000.000	218.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.909.271.921	5.633.541.578
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>23.266.614.857</i>	<i>41.958.259.736</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40.971.614.800)	(30.163.793.100)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(40.971.614.800)</i>	<i>(30.163.793.100)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(6.516.452.170)</i>	<i>14.326.528.282</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		61.843.491.404	47.523.486.911
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.638.105)	(6.523.789)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>55.316.401.129</u>	<u>61.843.491.404</u>


Đỗ Ngọc Thắm
Người lập


Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng


Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được chuyển đổi từ Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc “Chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco thành công ty cổ phần”. Tên giao dịch quốc tế Safoco Foodstuff Joint Stock Company, viết tắt là SAFOCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303752249 (được đổi từ số 4103003305) đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và thay đổi lần thứ mười sáu ngày 27/03/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.465.900.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 120.465.900.000 VND; tương đương 12.046.590 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 634 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 661 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất thực phẩm, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mì, mì sợi, bún, nui, bánh tráng, các loại từ tinh bột, bột mì;
- Mua bán các mặt hàng vải sợi, quần áo; mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da; văn phòng phẩm; hàng sành sứ, thủy tinh; nhựa gia dụng;
- Chế biến các mặt hàng lương thực – thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở);
- Mua bán các mặt hàng lương thực – thực phẩm; công nghệ phẩm; nông-thủy-hải sản; các loại nước uống nhanh; hàng tươi sống; rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Mua bán hàng kim khí, điện máy, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng;
- Mua bán vật tư xây dựng; Cho thuê nhà xưởng;
- Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà hàng Hoa Viên Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh ăn uống
Cửa hàng kinh doanh Tổng hợp Lương thực chế biến	Tp. Hồ Chí Minh	Bán hàng công nghệ phẩm
Nhà máy sản xuất Mì Nui - Cửa hàng Tổng hợp chế biến lương thực thực phẩm	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì nui
Kho dự trữ và phân phối hàng hóa	Tp. Hồ Chí Minh	Tổng kho dự trữ
Cửa hàng kinh doanh Tổng hợp Lương thực chế biến	Tp. Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng
Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng	Tp. Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng
Cửa hàng kinh doanh tổng hợp	Tp. Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng
Chi nhánh Công ty CP Lương thực thực phẩm Safoco	Tp. Hà Nội	Bán sản phẩm công ty

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là hợp lý

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

15-006-C
HÀNH
Y TNHH
M TOÁN
SC
HỒ CHÍ

249-C
TY
ÂN
HỰC PHẨM
CO
HỒ CHÍ

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không năm hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Không xác định thời hạn
- Phần mềm quản lý	02 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 02 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền thuê đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

11105
II NH/
NG TY 1
KIỂM
AAS
TP. HC

303
CÔ
CÔ
NG TH
SAI
ƯC -

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.614.304.600	1.740.539.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.202.096.529	33.602.951.504
Các khoản tương đương tiền (*)	34.500.000.000	26.500.000.000
	55.316.401.129	61.843.491.404

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 34.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng với lãi suất từ 2,4%/năm đến 4 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	46.500.000.000	-	63.500.000.000	-
	46.500.000.000	-	63.500.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và dưới 12 tháng có giá trị 46.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,75%/năm đến 7,5%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là 219 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (Saigonbank) với giá trị ghi sổ là 2.150.000 VND.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tonkin Products Limited	2.505.283.200	-	15.257.476.864	-
Công ty TNHH Dịch vụ EB	2.517.043.879	-	4.638.070.900	-
Công ty CP DVTM Tổng hợp WINCOMMERCE	2.634.874.814	-	4.049.214.043	-
Công ty CP Thương mại Bách hóa Xanh	9.183.758.920	-	2.636.139.666	-
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Tp. Hồ Chí Minh	4.971.364.433	-	4.966.640.701	-
Các khách hàng khác	7.505.062.673	-	13.131.369.859	-
	29.317.387.919	-	44.678.912.033	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH PCCC Tân Hưng Phát	540.828.480	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	547.660.482	-	9.566.277	-
	1.088.488.962	-	9.566.277	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	1.084.168.492	-	1.329.657.533	-
Phải thu về quỹ chi ủng hộ, làm từ thiện	700.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu khác	10.376.748	-	17.841.600	-
	1.794.545.240	-	1.847.499.133	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	48.100.000	-	39.000.000	-
	48.100.000	-	39.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.119.303.214	-	20.391.634.887	-
Công cụ, dụng cụ	533.434.509	-	706.063.445	-
Thành phẩm	79.165.824.233	-	44.206.638.097	-
Hàng hoá	290.168.605	-	367.337.730	-
	90.108.730.561	-	65.671.674.159	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	81.533.901.533	63.179.066.544	9.855.975.152	750.756.157	155.319.699.386
- Mua trong năm	-	333.790.000	1.098.130.364	-	1.431.920.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.730.079.068)	(1.481.069.902)	-	(5.211.148.970)
Số dư cuối năm	81.533.901.533	59.782.777.476	9.473.035.614	750.756.157	151.540.470.780
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	79.059.437.702	55.096.011.829	8.226.766.238	750.756.157	143.132.971.926
- Khấu hao trong năm	1.771.657.476	4.529.253.132	835.498.444	-	7.136.409.052
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.730.079.068)	(1.481.069.902)	-	(5.211.148.970)
Số dư cuối năm	80.831.095.178	55.895.185.893	7.581.194.780	750.756.157	145.058.232.008
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.474.463.831	8.083.054.715	1.629.208.914	-	12.186.727.460
Tại ngày cuối năm	702.806.355	3.887.591.583	1.891.840.834	-	6.482.238.772

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 122.170.500.858 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.739.036.000	150.000.000	19.889.036.000
Số dư cuối năm	19.739.036.000	150.000.000	19.889.036.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	75.000.000	75.000.000
- Khấu hao trong năm	-	75.000.000	75.000.000
Số dư cuối năm	-	150.000.000	150.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	19.739.036.000	75.000.000	19.814.036.000
Tại ngày cuối năm	19.739.036.000	-	19.739.036.000

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.000.000 VND;

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	177.416.922	169.448.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.451.320	11.400.000
	189.868.242	180.848.000
b) Dài hạn		
Thiết bị giám sát phương tiện vận tải	13.334.000	25.695.000
	13.334.000	25.695.000

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	240.540.000	240.540.000
Công ty Lương thực Bến Tre	-	-	186.000.000	186.000.000
Công ty CP LTTP Colusa - Miliket	-	-	54.540.000	54.540.000
Bên khác	3.840.054.487	3.840.054.487	17.404.574.429	17.404.574.429
Công ty TNHH Interflour Việt Nam	728.883.900	728.883.900	4.412.998.800	4.412.998.800
Công ty TNHH Uni- President Việt Nam	978.048.000	978.048.000	4.292.926.560	4.292.926.560
Công ty TNHH Hoá chất Đại Cát Tường	-	-	598.320.000	598.320.000
Công ty TNHH TM SX Xuân Khôi	-	-	1.298.911.350	1.298.911.350
Công ty CP Xây dựng Công nghệ Sumimoto	692.700.000	692.700.000	345.600.000	345.600.000
Phải trả người bán khác	1.440.422.587	1.440.422.587	6.455.817.719	6.455.817.719
	3.840.054.487	3.840.054.487	17.645.114.429	17.645.114.429

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Saisan'S Shop Co., Ltd	-	1.541.694.000
- HSC Japan Joint Stock Company	-	1.495.425.120
- Hua San Wan FoodMart, INC.	787.127.256	689.506.732
- AH USA Group	2.697.937.905	-
- Người mua trả tiền trước khác	665.324.199	148.664.074
	4.150.389.360	3.875.289.926

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	608.353.501	3.496.243.205	3.451.721.940	-	652.874.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.568.499.620	13.779.099.702	13.798.379.414	-	3.549.219.908
Thuế thu nhập cá nhân	-	957.077.522	3.728.653.707	4.026.754.432	-	658.976.797
Thuế tài nguyên	-	2.912.000	59.812.620	59.812.620	-	2.912.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	10.183.335.828	10.183.335.828	-	-
Các loại thuế khác	-	-	63.032.160	63.032.160	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	45.820.000	45.520.000	-	300.000
	-	5.136.842.643	31.355.997.222	31.628.556.394	-	4.864.283.471

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Bảo hiểm xã hội	-	224.158.475
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	184.000.000	168.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.171.860	16.380.660
- Phải trả về hỗ trợ bán hàng và chiết khấu (*)	6.098.272.667	7.821.271.770
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	245.820.844	264.760.106
	6.531.265.371	8.494.571.011
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH MM MEGA MARKET	801.064.231	816.002.976
- Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh	1.141.466.219	1.638.771.045
- Công Ty TNHH Dịch Vụ EB	671.563.682	1.103.579.510
- Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp WINCOMMERCE	596.791.249	1.105.444.403
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.320.379.990	3.830.773.077
	6.531.265.371	8.494.571.011

(*) Khoản phải trả về tiền hỗ trợ bán hàng, chi phí quảng cáo, vận chuyển và chiết khấu cho các nhà phân phối và đại lý của Công ty theo các điều khoản trong hợp đồng đã ký đầu năm.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.557.890.000	4.975.566.740	58.062.383.375	163.595.840.115
Lãi trong năm trước	-	-	51.702.818.819	51.702.818.819
Phân phối lợi nhuận	-	4.941.203.192	(4.941.203.192)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	-	-	(8.518.634.302)	(8.518.634.302)
Trích hoạt động từ thiện	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(30.167.367.000)	(30.167.367.000)
Số dư cuối năm trước	100.557.890.000	9.916.769.932	65.637.997.700	176.112.657.632

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	120.465.900.000	63.359.932	55.583.397.700	176.112.657.632
Lãi trong năm nay	-	-	51.209.144.674	51.209.144.674
Phân phối lợi nhuận	-	5.170.281.882	(5.170.281.882)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	-	-	(8.913.565.965)	(8.913.565.965)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	(40.958.406.000)	(40.958.406.000)
Trích hoạt động từ thiện (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.465.900.000	5.233.641.814	51.250.288.527	176.949.830.341

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 07 tháng 04 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100	55.583.397.700
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2022</i>		51.704.008.819
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của các năm trước</i>		3.879.388.881
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,30	5.170.281.882
Trích tham gia hoạt động từ thiện	0,90	500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành	16,04	8.913.565.965
Chi trả cổ tức (bằng 34% vốn điều lệ)	73,69	40.958.406.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,07	41.143.853

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	51,30	61.799.430.000	51,30	61.799.430.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	16,64	20.050.000.000	16,64	20.050.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hồng	14,09	16.972.620.000	14,09	16.972.620.000
Các cổ đông khác	17,97	21.643.850.000	17,97	21.643.850.000
	100	120.465.900.000	100	120.465.900.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>120.465.900.000</i>	<i>100.557.890.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>120.465.900.000</i>	<i>100.557.890.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	16.380.660	12.806.760
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	40.958.406.000	30.167.367.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>40.958.406.000</i>	<i>30.167.367.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(40.971.614.800)	(30.163.793.100)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(40.971.614.800)</i>	<i>(30.163.793.100)</i>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	3.171.860	16.380.660

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.046.590	12.046.590
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.046.590</i>	<i>12.046.590</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.046.590</i>	<i>12.046.590</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.233.641.814	63.359.932
	5.233.641.814	63.359.932

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

STT	Vị trí các lô đất	Diện tích	Mục đích sử dụng đất
1.	Số 1079 đường Phạm Văn Đồng và số 1009 đường Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	21.937,5 m ²	Làm nhà xưởng sản xuất và kho
2.	482 đường Cách Mạng Tháng 8, phường 04, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	76 m ²	Làm cửa hàng kinh doanh
3.	Số 49/1 đường Hòa Bình, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	1.514,9 m ²	Làm nhà hàng tiệc cưới
4.	Số 1614 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	8.982,4 m ²	Kho dự trữ hàng hóa
5.	Số 210 Bà Hạt , phường 9, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	57,9 m ²	Làm cửa hàng kinh doanh
6.	Số 198-200 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	108,2 m ²	Làm cửa hàng kinh doanh

Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	7.002.172.082	7.092.127.760
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.245.118.269	4.245.118.269

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	560.229,84	190.911,78

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	688.659.049.835	728.745.499.797
Doanh thu bán hàng hóa	109.516.113.830	71.060.771.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.141.000	151.982.264
	798.230.304.665	799.958.253.537
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 33)</i>	73.145.480	201.309.070

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.820.508.303	6.006.585.282
Hàng bán bị trả lại	606.185.826	1.258.166.774
	5.426.694.129	7.264.752.056

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	545.797.734.966	580.353.103.295
Giá vốn của hàng hóa đã bán	102.803.840.545	65.517.803.848
Giá vốn dịch vụ	55.141.000	106.792.780
	648.656.716.511	645.977.699.923
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 33)</i>	17.432.294.444	19.431.805.000

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.663.782.880	5.442.799.110
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.047.516.878	2.607.905.444
	8.711.299.758	8.050.704.554

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	467.725.723	970.720.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	14.111.205	488.215.446
	481.836.928	1.458.935.816

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.605.702.637	1.577.572.967
Chi phí nhân công	18.566.194.379	19.199.939.715
Chi phí khấu hao tài sản cố định	793.699.696	293.429.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.672.653.888	25.593.122.422
Chi phí khác bằng tiền	19.706.280.116	19.418.468.896
	67.344.530.716	66.082.533.316

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	378.648.777	353.859.562
Chi phí nhân công	17.260.560.979	17.890.015.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	414.196.248	496.969.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.070.758.377	1.491.168.137
Chi phí khác bằng tiền	2.599.040.304	2.805.614.780
	21.723.204.685	23.037.627.023

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	789.263.300	282.683.502
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	1.265.454.552	1.178.181.828
Thu nhập từ bán bánh trắng và nui phở	280.980.545	255.394.836
Nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê	70.136.280	-
Thu nhập khác	705.672	79.480.219
	2.406.540.349	1.795.740.385

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Xử lý nguyên vật liệu thiếu sau kiểm kê và xuất hủy bao bì	666.755.905	414.144.677
Các khoản bị phạt	60.161.522	4.200.000
Chi phí khác	-	15.000.000
	726.917.427	433.344.677

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	64.988.244.376	65.549.805.665
Các khoản điều chỉnh tăng	2.556.972.975	3.679.657.063
- <i>Thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành</i>	504.000.000	501.000.000
- <i>Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm</i>	14.111.205	488.215.446
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	2.038.861.770	2.690.441.617
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(386.894.857)
- <i>Chi phí khấu hao vượt khung</i>	-	(386.894.857)
Thu nhập chịu thuế TNDN	67.545.217.351	68.842.567.871
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	270.056.232	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	13.779.099.702	13.768.513.575
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.568.499.620	2.356.007.034
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(13.798.379.414)	(12.556.020.989)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.549.219.908	3.568.499.620

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	51.209.144.674	51.702.818.819
Các khoản điều chỉnh	(8.828.456.542)	(8.913.565.965)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành</i>	(8.828.456.542)	(8.913.565.965)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	42.380.688.132	42.789.252.854
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.046.590	12.046.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.518	3.552

Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành bằng 17,24% trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023. Tỷ lệ trích này bằng tỷ lệ phân bổ đã được các cổ đông thông qua theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.232.670.595	463.555.314.001
Chi phí nhân công	148.420.831.830	153.783.421.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.211.409.052	6.774.600.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.725.517.340	43.206.585.238
Chi phí khác bằng tiền	31.289.368.686	25.241.718.011
	669.879.797.503	692.561.638.611

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư ngắn hạn	2.150.000	-	-	2.150.000
	2.150.000	-	-	2.150.000
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư ngắn hạn	2.150.000	-	-	2.150.000
	2.150.000	-	-	2.150.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.702.096.529	-	-	52.702.096.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.111.933.159	48.100.000	-	31.160.033.159
Các khoản cho vay	46.500.000.000	-	-	46.500.000.000
	130.314.029.688	48.100.000	-	130.362.129.688
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.102.951.504	-	-	60.102.951.504
Phải thu khách hàng, phải thu khác	46.526.411.166	39.000.000	-	46.565.411.166
Các khoản cho vay	63.500.000.000	-	-	63.500.000.000
	170.129.362.670	39.000.000	-	170.168.362.670

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.371.319.858	-	-	10.371.319.858
	10.371.319.858	-	-	10.371.319.858
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	26.139.685.440	-	-	26.139.685.440
	26.139.685.440	-	-	26.139.685.440

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất	Thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	683.232.355.706	109.516.113.830	55.141.000	792.803.610.536	-	792.803.610.536
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	137.434.620.740	6.712.273.285	-	144.146.894.025	-	144.146.894.025
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.431.920.364	-	-	1.431.920.364	-	1.431.920.364
Tài sản bộ phận	126.777.054.357	20.077.304.605	-	146.854.358.962	-	146.854.358.962
Tài sản không phân bổ	-	-	-	111.101.580.016	-	111.101.580.016
Tổng tài sản	126.777.054.357	20.077.304.605	-	257.955.938.978	-	257.955.938.978
Nợ phải trả của các bộ phận	13.867.758.017	529.951.201	-	14.397.709.218	-	14.397.709.218
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	66.608.399.419	-	66.608.399.419
Tổng nợ phải trả	13.867.758.017	529.951.201	-	81.006.108.637	-	81.006.108.637

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Nội địa	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	236.315.031.244	556.488.579.292	792.803.610.536	-	792.803.610.536
Tài sản bộ phận	2.828.831.624	255.127.107.354	257.955.938.978	-	257.955.938.978
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	1.431.920.364	1.431.920.364	-	1.431.920.364

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương Thực Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tổng Công ty
Công ty Lương thực Bến Tre	Cùng Tổng Công ty
Công ty Lương thực Trà Vinh	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket	Cùng Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.145.480	201.309.070
Công ty Cổ phần Lương Thực Tp. Hồ Chí Minh	73.145.480	201.309.070
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	17.432.294.444	19.431.805.000
Công ty Lương thực Bến Tre	12.598.000.000	11.433.000.000
Công ty Lương thực Trà Vinh	4.798.600.000	7.998.805.000
Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	32.500.000	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	3.194.444	-
Chia cổ tức	21.011.806.200	15.475.653.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	21.011.806.200	15.475.653.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		6.403.210.864	6.358.145.854
Ông Nguyễn Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	90.000.000
Ông Trần Hoàng Thao	Phó Tổng giám đốc	581.143.000	602.165.385
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên HĐQT đến 08/4/2022	-	27.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng giám đốc/TV HĐQT	2.365.494.394	2.354.640.770
Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng giám đốc/ TV HĐQT	897.142.450	855.740.708
Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Phó Tổng giám đốc/ TV HĐQT	814.841.550	730.173.792
Ông Nguyễn Tuấn Bao	Phó Tổng giám đốc đến 01/05/2022	-	162.200.000
Ông Nguyễn Trương Nguyễn	Trưởng ban BKS	664.713.030	611.641.106
Bà Phạm Liên Hương	Thành viên BKS từ ngày 07/04/2023	67.500.000	-
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên BKS từ ngày 07/04/2023	67.500.000	-
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên BKS đến ngày 07/04/2023	22.500.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên BKS đến ngày 07/04/2023	22.500.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	671.876.440	636.584.093

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thưởng và các phúc lợi khác		
Thưởng cho Tổng giám đốc	385.574.000	327.670.000
Thưởng cho các thành viên chủ chốt khác	825.326.000	907.900.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán.

Đỗ Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024



Số: 02/2024/SAF-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

Kính thưa đại hội!

Thưa toàn thể quý vị cổ đông!

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (Safoco) và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS), các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, như sau:

I./ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1) Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (HĐQT) trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư; tham gia thảo luận tại các cuộc họp, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2023 là 180 triệu đồng (02 thành viên Ban kiểm soát thù lao là 7.500.000 đ/tháng, chưa bao gồm tiền lương Trưởng BKS).

- Về chi phí hoạt động của BKS năm 2023: tuân thủ theo quy định của nhà nước và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2) Các công tác đã thực hiện năm 2023

- Ban kiểm soát chúng tôi đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đầy đủ các buổi kiểm phiếu biểu quyết về việc lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua các Tờ trình của Ban điều hành và thực hiện các công việc theo các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp, cụ thể sau:

+ *Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB của Công ty.*

+ *Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc*

theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

+ Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý trong năm 2023, báo cáo soát xét sáu tháng đầu năm 2023, báo cáo kết thúc niên độ kế toán năm 2023, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

+ Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. Thảo luận với kiểm toán viên Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau; do đặc thù của Safoco nên Ban Kiểm soát tập trung chủ yếu việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, những hạn chế trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp và có đưa ra các cảnh báo, giải pháp cho Ban Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành công ty.

II. BÁO CÁO GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Kiểm soát đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc. Cụ thể như sau:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định pháp luật. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành 07 Nghị quyết và 09 Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty giúp cho Ban Tổng giám đốc quản trị rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ;

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định đối với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Quyết định của HĐQT kịp thời trong hoạt động SXKD của Công ty

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động nắm bắt được thời cơ, có nhiều linh hoạt và sáng tạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt trong sản xuất kinh doanh để đạt được lợi nhuận cao nhất. Nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng theo quy định, nhanh chóng và tiết kiệm.

- Quản lý được những rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Linh hoạt trong kinh doanh, tìm kiếm khách hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty theo cách bền vững.

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Đảm bảo sự ổn định trong SXKD, thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy định nội bộ phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trình HĐQT phê chuẩn và ban hành để tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty theo từng lĩnh vực.

c) Nhận xét của Ban kiểm soát

- Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

- Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

2. Về thẩm định báo cáo tài chính và nhận xét của Ban kiểm soát

a) Ban kiểm soát đánh giá hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy, các số liệu kế toán được phản ánh trung thực tình hình tài chính, Ban kiểm soát chưa thấy vấn đề gì nghiêm trọng xét trên các phương diện trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2023 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC chấp thuận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo.

b) Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco tại ngày 31/12/2023.

Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023	Tỷ lệ so đầu kỳ
A. Tài sản và Nguồn vốn			
I- Tài sản ngắn hạn	231.680.176.406	242.888.502.376	95,39%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	55.316.401.129	61.843.491.404	89,45%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.502.150.000	63.502.150.000	73,23%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	32.207.368.321	46.535.977.443	69,21%
4. Hàng tồn kho	90.108.730.561	65.671.674.159	137,21%
5. Tài sản ngắn hạn khác	7.545.526.395	5.335.209.370	141,43%
II- Tài sản dài hạn	26.282.708.772	32.065.458.460	81,97%
1. Các khoản phải thu dài hạn	48.100.000	39.000.000	123,33%
2. Tài sản cố định	26.221.274.772	32.000.763.460	81,94%
3. Tài sản dài hạn khác	13.334.000	25.695.000	51,89%
Cộng Tài sản	257.962.885.178	274.953.960.836	93,82%
I- Nợ phải trả	81.006.108.637	98.841.303.204	81,96%
1. Nợ ngắn hạn	81.006.108.637	98.841.303.204	81,96%
2. Nợ dài hạn	0	0	0,00%
II- Vốn chủ sở hữu	176.956.776.541	176.112.657.632	100,48%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	120.465.900.000	120.465.900.000	100,00%
2. Quỹ đầu tư phát triển	5.233.641.814	63.359.932	8260,18%
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	51.257.234.727	55.583.397.700	92,22%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	41.143.853	3.880.578.881	1,06%
- LNST chưa phân phối kỳ này	51.216.090.874	51.702.818.819	99,06%
Cộng Nguồn vốn	257.962.885.178	274.953.960.836	93,82%
B. Kết quả kinh doanh	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ so cùng kỳ
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	792.803.610.536	792.693.501.481	100,01%
- Doanh thu hoạt động tài chính & thu nhập khác	11.117.840.107	9.846.444.939	112,91%
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.988.244.376	65.549.805.665	99,14%
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.209.144.674	51.702.818.819	99,05%

Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023	Tỷ lệ so đầu kỳ
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.518	3.552	99,05%

c) Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Số TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,86	2,46
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,75	1,79
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	31,4	35,95
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	45,78	56,12
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	8,33	12,24
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,07	2,28
4	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS)	%	6,46	6,52
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	28,94	29,36
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	%	19,85	18,80
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,99	8,10
5	Tổng Lợi nhuận trước thuế + Lãi vay (EBIT)	Triệu	64.988	65.550
	- Lợi nhuận trước thuế		64.988	65.550
	- Lãi vay		0	0

- Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2023:

+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại ngày 31/12/2023: 2,86 lần >1, công ty đảm bảo khả năng thanh toán tốt.

+ Số vòng quay phải thu ở khách hàng 21 (Doanh thu/Phải thu ở khách hàng BQ):

+ Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu 46% (Tổng nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu): (thời điểm 01/01/2023: 56%).

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu : 8,08 %

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ: 53,95 %

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2023:

a) Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 01/NQ-SAF-ĐHCD ngày 07/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ so KH năm (%)	Tỷ lệ so cùng kỳ (%)
Tổng doanh thu	Tr.đ	820.000	803.921	802.540	98,0%	100,2%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	820.000	792.804	792.693	96,7%	100,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	66.000	64.988	65.550	98,5%	99,2%
Tỷ suất lãi gộp/ doanh thu thuần	%		18,18%	18,51%		98,2%
Chi phí bán hàng/ doanh thu thuần	%		8,49%	8,34%		101,9%
Chi phí quản lý/ doanh thu thuần	%		2,74%	2,91%		94,3%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	%	8,05%	8,08%	8,17%	100,4%	99,0%

Trong đó: hiệu quả kinh doanh theo ngành:

- Mặt hàng sản xuất chế biến chính: 51.648 triệu đồng chiếm 79,5 % tổng LN
- Mặt hàng bách hóa & DV : 3.431 triệu đồng chiếm 5,3 % tổng LN
- Hoạt động tài chính ,khác : 9.909 triệu đồng chiếm 15,2 % tổng LN

Trong năm 2023, Tổng doanh thu đạt được là 803.921 triệu đồng đạt 98% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 0,2% so với thực hiện của năm 2022. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ đạt 92% so với kế hoạch và 98% so với cùng kỳ, cơ cấu doanh thu có sự thay đổi. Nhận định thấy khó khăn trong năm 2023 cũng như giá nguyên vật liệu sản xuất đang trên xu hướng tăng nhưng giá bán không đổi nên chỉ tiêu lợi nhuận trong năm 2023 đạt 64.995 triệu đồng giảm 1,5% so với kế hoạch và 0,8% so cùng kỳ 2022 nhưng Công ty luôn đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và bảo toàn vốn cho cổ đông.

b) Về doanh thu, thu nhập khác (bao gồm hoạt động tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ là: 8.711 triệu đồng, trong đó: lãi tiền gửi ngân hàng: 6.664 triệu đồng, chênh lệch tỷ giá 2.047 triệu đồng.

- Thu nhập khác trong kỳ là: 2.406 triệu đồng, trong đó cho thuê lại mặt bằng là 1.265 triệu đồng, thừa do kiểm kê NPL: 70 triệu đồng, thu hồi phế vụn 274 triệu đồng, Thanh lý CCDC: 7 triệu đồng, Xử lý các công nợ để lâu không người đòi: 1 triệu đồng, thanh lý TSCĐ (06 xe tải, 03 lò hơi 5 tấn/h, 02 máy hút kim loại): 789 triệu đồng.

c) Về chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chi phí tài chính (Lỗ chênh lệch tỷ giá) phát sinh trong kỳ: 475 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ: 67.345 triệu đồng, tăng 1.262 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 2 % so cùng kỳ 2022. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ: 21.723 triệu đồng, giảm 1.314 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 4% so cùng kỳ 2022. Nhìn chung tổng chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2023 không biến động so với cùng kỳ 2022.

Về chi phí khác phát sinh trong kỳ: 727 triệu đồng, gồm: Hao hụt nguyên phụ liệu theo định mức: 255 triệu đồng; phạt vi phạm hành chính liên quan đến kiểm tra quyết toán thuế từ năm 2021-2022: 54 triệu đồng; chi phí chậm nộp thuế TNDN theo tinh thần công văn 1798/TCT/TTKT ngày 16/05/2023 về việc rà soát, xử lý hóa đơn không hợp pháp: 6 triệu đồng; Chi phí xuất hủy bao bì xuất khẩu cũ còn tồn đọng lâu năm trong kho theo QĐ 41/QĐ-SAF ngày 30/10/2023 và Quyết định 44/QĐ-SAF ngày 27/11/2023: 412 triệu đồng.

d) Về thù lao Hội đồng quản trị, BKS và thư ký HĐQT

Tổng thù lao Hội đồng quản trị, BKS và người phụ trách HĐQT đã chi trong năm 2023: 804 triệu đồng, trong đó: HĐQT: 552 triệu đồng, BKS: 180 triệu đồng và thư ký HĐQT: 72 triệu đồng, số thù lao đã chi phù hợp với nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2023.

e) Các khoản mục khác:

Về quỹ tiền lương: Theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-SAF/HĐQT ngày 13/01/2023, HĐQT thống nhất phê duyệt tạm trích quỹ tiền lương năm 2023 là 136.210 triệu đồng. Trong năm 2023, Công ty tạm trích quỹ lương theo nhân công và sản lượng sản xuất thực tế là 129.761 triệu đồng giảm so với mức bình quân kế hoạch 4,7%, so với cùng kỳ 4,4%. Công ty đã vận dụng theo hướng dẫn của thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, xác định mức tiền lương bình quân thực hiện so với kế hoạch để trả lương cho người lao động đúng theo quy định.

- Khoản mục trích trước chi phí phải trả: Chi phí các khoản hỗ trợ KM, QC, CK cho hệ thống đại lý và siêu thị là 6.231 triệu đồng.

- Trong năm Công ty đã thực hiện ký hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và Bảo hiểm tiền năm 2023-2024 với Tổng Công Ty CP bảo Hiểm Sài Gòn – Hà Nội - Công ty Bảo Hiểm BSH Bình Dương với tổng giá trị bảo hiểm cháy nổ bắt buộc là 265.203 triệu đồng, với 08 địa điểm được bảo hiểm (có CN Hà Nội) với các chỉ tiêu: TSCĐ 146.203 triệu đồng, NVL 6.000 triệu đồng, CCDC 500 triệu đồng, Thành phẩm 112.500 triệu đồng. Điều này góp phần hạn chế rủi ro cho công ty cũng như yên tâm trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại đơn vị.

f) Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong năm 2023, Công ty đã chủ động làm việc để được Phòng Thanh tra – kiểm tra số 10 Cục thuế Tp.HCM đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp năm 2023 để được quyết toán thuế liên tục 2 năm (2021-2022). Kết quả kiểm tra, phát sinh thuế phải nộp liên quan đến các khoản liên quan đến quyết toán thuế năm 2021-2022: 143 triệu đồng (trong đó, truy thu thuế GTGT: 7 triệu

đồng, TNDN: 89 triệu đồng, phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp: 47 triệu đồng) theo quyết định 1005/QĐ-CT ngày 05/05/2023 và được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2023.

Theo công văn 1798/TCT/TTKT ngày 16/05/2023 của Tổng Cục Thuế về việc doanh nghiệp tự kiểm tra, rà soát, xử lý hóa đơn không hợp pháp. Công ty đã chủ động làm việc với Cục thuế TP.HCM cùng thống nhất trong biên bản làm việc ngày 10 tháng 07 năm 2023 với nội dung tự loại trừ các chi phí có liên quan đến danh sách 524 doanh nghiệp được niêm yết tên theo CV1798 có rủi ro cao về thuế và đã nộp bổ sung thuế TNDN 181 triệu đồng.

Tổng số thuế phải nộp nhà nước năm 2023 là 31.699 triệu đồng (chủ yếu: Thuế Giá trị gia tăng: 3.489 triệu đồng, Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 13.690 triệu đồng, tiền thuê đất: 10.093 triệu đồng, thuế TNCN 4.072 triệu đồng, thuế phí khác 355 triệu đồng, số thuế còn phải nộp đến ngày 31/12/2023 là: 4.864 triệu đồng.

4. Hoạt động đầu tư vốn, tài sản và quản lý tài sản

a) Tình hình thực hiện đầu tư XDCB năm 2023 và lũy kế đến 31/12/2023

- Theo kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023 với tổng mức đầu tư là 12.050 triệu đồng gồm 14 hạng mục đầu tư XDCB (trong đó: 10 hạng mục mua sắm, 03 hạng mục sửa chữa, 01 hạng mục XDCB)

- Trong năm 2023, giá trị khối lượng thực hiện là 1.973 triệu đồng, trong đó: Giá trị hoàn thành/quyết toán 1.432 (đã thanh toán), giá trị dở dang 541 triệu đồng, nguồn vốn đầu tư XDCB chủ yếu là vốn tự có (không có vốn vay ngân hàng). Các hạng mục thực hiện được là 02 hạng mục đầu tư XDCB (trong đó: 01 hạng mục đầu tư mua sắm thiết bị vận tải và 01 hạng mục xây dựng cơ bản)

- Đánh giá: Công ty đã thực hiện đúng theo quy định về trình tự, thủ tục, tính tuân thủ trong đầu tư mua sắm tài sản.

b) Về tài sản cố định:

- Tài sản cố định tăng năm 2023 là 1.432 triệu đồng, chủ yếu là đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản.

- Tài sản cố định giảm, thanh lý trong năm 2023: 5.211 triệu đồng. Việc thanh lý tài sản được HĐQT thông qua nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 13/03/2023, số 07/NQ-HĐQT ngày 18/10/2023 và công ty đã thực hiện ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá với Công ty CP Thẩm Định Giá và DVTS Toàn Cầu, và đấu giá công khai theo đúng quy định.

- Khấu hao tài sản trong năm 2023 là 7.211 triệu đồng, các tài sản đầu tư được Công ty khấu hao nhanh nhằm thu hồi vốn nhanh để đổi mới công nghệ nhằm tăng hiệu quả kinh doanh (giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình: 6.482 triệu đồng; nguyên giá TSCĐ HH: 151.540 triệu đồng).

Việc tổ chức triển khai đầu tư được thực hiện có hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư mới kịp thời đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn cho các kho hàng hóa của Công ty. Việc đầu tư, mua sắm thiết bị vận chuyển mới hợp lý, thi công lắp đặt hệ thống chữa cháy đạt tiêu chuẩn, góp phần tiết kiệm, tránh hao phí, tổn thất trong quá trình vận hành. Ngoài

ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động

Trong năm 2023, Công ty không có phát sinh vay vốn ngân hàng.

d) Tình hình quản lý nợ

- Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2023 là 32.207 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 12,5% trên tổng tài sản và 4,1% trên doanh thu bán hàng, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm 2022. Các khoản này chưa tới kỳ hạn thanh toán theo hợp đồng.

- Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2023 là 81.006 triệu đồng, giảm 18% so cùng kỳ năm 2022.

Xét trên các chỉ tiêu cho thấy tình hình tài chính Công ty rất lành mạnh, Công ty đã mở sổ theo dõi chi tiết theo đối tượng (trong nước, xuất khẩu), thực hiện đối chiếu với khách hàng từng tháng, quý tương đối đầy đủ, không để phát sinh nợ khó đòi, không đòi được. Không phát sinh nợ phải trả quá hạn. Các số liệu này đã được đơn vị kiểm toán AASC kiểm tra và đánh giá đúng quy định.

e) Về tổ chức kiểm kê và quản lý tài sản:

- Công tác kiểm kê thời điểm cuối năm 2023 được Ban Kiểm soát, phối hợp cùng với đơn vị kiểm toán AASC tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tài sản, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm và tiền quỹ tại các kho, cơ sở kinh doanh đơn vị trực thuộc... Đánh giá công tác tổ chức kiểm kê xử lý tài sản sau kiểm kê để thực hiện kiểm tra đánh giá tài sản của công ty được thực hiện đúng quy định, đảm bảo khách quan.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro: mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm tiền và tài sản năm 2023 với Công ty Bảo hiểm BSH Bình Dương – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn Hà Nội..

5) Về thực hiện các kế hoạch khác theo nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ trong năm 2023:

- Theo nghị quyết 01/NQ-SAF/ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 Đại hội cổ đông thường niên 2023 thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 bằng 34% /vốn điều lệ, đã hoàn thành thanh toán ngày 18/04 và 11/05 năm 2023 cho các cổ đông lưu ký và chưa lưu ký.

- Thông qua HĐQT lựa chọn và ký hợp đồng với công ty kiểm toán độc lập (CN Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC) thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

- Thông qua phương án tạm trích lợi nhuận năm 2023: 700 triệu đồng làm công tác từ thiện, Công ty đã chi hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ chương trình "vì trường sa xanh", hỗ trợ chương trình "Vì người nghèo TP.HCM"... thông qua các tổ chức chính trị - xã hội số tiền 700 triệu đồng.

- Thực hiện một số nội dung khác theo nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

III./ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CỔ ĐÔNG

1. Trong năm 2023, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. HĐQT và Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Ban kiểm soát cũng không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2023. Ban kiểm soát cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Ban kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, Chi nhánh để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát như:

• *Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp đầy đủ thông tin trong quá trình BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại các Phòng ban và các quyết định của HĐQT, Ban điều hành.*

• *Định kỳ, Ban Kiểm soát đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và BTGD. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.*

IV. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

3. Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty: sản xuất, chế biến, tiêu thụ,... và đánh giá hoạt động của công ty cho nhiệm kỳ (2023-2027).

4. Giám sát HĐQT, Ban điều hành công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

6. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc soát xét và kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ kết quả soát xét 6 tháng, kiểm toán năm cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi

HDQT chấp thuận; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của BDH Công ty (nếu có).

7. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

V./ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với Hội đồng quản trị.

+ Hội đồng quản trị định hướng việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 theo hướng khả thi nhất.

+ Thực hiện rà soát kế hoạch dài hạn khác để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, giữ vững và phát triển thị trường trong và ngoài nước bằng việc tận dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước, các kế hoạch kinh doanh của Công ty và đặc biệt là trong công tác đầu tư xây dựng uy tín, hình ảnh thương hiệu Safoco.

2. Đối với Ban Tổng giám đốc

+ Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty; hoàn chỉnh cơ chế, xây dựng đưa hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh; khuyến khích nâng cao hiệu quả hoạt động và thiết lập được quy trình quản lý trong Công ty.

+ Tăng cường công tác quản lý và điều hành hiệu quả các hạn mục đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Bên cạnh đó, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục theo dõi việc hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro cũng như việc xây dựng kế hoạch chiến lược dài hạn của Safoco cũng sẽ dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của mình để phù hợp với thực tiễn cũng như các tiêu chuẩn quản trị quốc tế và theo thông lệ quản trị tốt nhất.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco năm 2023, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của các Quý vị Cổ đông đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và xin chúc SAFOCO đạt được nhiều tầm cao mới.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Thành viên HDQT, BKS
- Cổ đông Safoco
- Lưu BKS, TCHC


Nguyễn Trương Nguyễn



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safoco.com.vn

Số: 01/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH Về dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 07/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	64.988.244.376
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.556.972.975
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	67.545.217.351
3	Thuế TNDN năm 2023 (20% TNCT)	13.779.099.702
	- Thuế TNDN hiện hành	13.779.099.702
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	51.209.144.674
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	51.209.144.674
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	14.649.371.009
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	5.120.914.467
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LN sau thuế)	7.681.371.701
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LN sau thuế)	1.147.084.841
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.559.773.665

Stt	Diễn giải	Số tiền
6	Lợi nhuận chia cổ tức	36.600.917.518
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.559.773.665
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	41.143.853
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL, trong đó:	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2024	461.147.518

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	62.500.000.000
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.000.000.000
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.500.000.000
3	Thuế TNDN năm 2024 (20% TNCT)	12.900.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	49.600.000.000
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	49.600.000.000
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	11.731.040.000
	- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (20% LN sau thuế)	9.920.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LN sau thuế)	1.111.040.000
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	37.868.960.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	38.330.107.518
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	37.868.960.000
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	461.147.518
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	2.190.337.518

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safoco.com.vn

Số: 02/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, Thư ký năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 07/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/3/2024 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty.

Năm 2023, Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco đã thực hiện chi trả tiền lương người quản lý, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 5.953,104 triệu đồng.
- Quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 804 triệu đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông, thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương người quản lý, Quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024, như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 6.681,36 triệu đồng.
- Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 714 triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương người quản lý, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024 nhưng không vượt quá tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trân trọng!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safoco.com.vn

Số: 01/T.Tr-SAF/BKS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về đề nghị chọn đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật kế toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco.

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin ra công chúng về tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chọn đơn vị thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco năm 2024 với các nội dung sau:

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho Safoco (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC).
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban kiểm soát xin đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2024 của Công ty, như sau:

- ✓ Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC
- ✓ Công ty TNHH KPMG Việt Nam

- ✓ Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C
- ✓ Công ty TNHH Kiểm Toán CPA VIETNAM

3. Ý kiến của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thông qua:

- Các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC của Công ty.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!


Nguyễn Trương Nguyễn



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safoco.com.vn

Số: 04/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc trích tiền tham gia công tác từ thiện xã hội

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 07/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco.
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Từ nhiều năm qua, Safoco luôn được sự ủng hộ, đồng hành của Cổ đông và CB.CNV trong công ty cùng đóng góp cho các hoạt động từ thiện xã hội. Những hoạt động này không chỉ giúp đỡ về vật chất, động viên tinh thần cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn mà còn thể hiện tâm lòng nhân ái, uống nước nhớ nguồn của quý Cổ đông và Người lao động trong Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty đã thực hiện công tác từ thiện với số tiền là **700** triệu đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ 950 phần quà cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn của Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, phường 7 quận 6, phường 6,7 quận 10, nhân ngày thương binh liệt sĩ với số tiền 178 triệu đồng.
- Hỗ trợ xây 01 căn nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn của huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre với số tiền 50 triệu đồng.
- Ủng hộ Quỹ "Vi biển đảo Việt Nam"; Quỹ "Vi người nghèo" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động với số tiền 428 triệu đồng.
- Hỗ trợ 800 kg sản phẩm Safoco cho Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi với số tiền 44 triệu đồng.

Năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng bằng các hoạt động xã hội từ thiện, đề nghị cổ đông đóng góp 700 triệu đồng trích từ phần lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP1, P. Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safoco.com.vn

Số: 04/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 - 2027

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Văn Hiến và Ông Nguyễn Tri Nghĩa;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng trình miễn nhiệm: 02 thành viên.

- Nhân sự trình để miễn nhiệm:

+ Ông Nguyễn Văn Hiến - Thành viên Hội đồng quản trị;

+ Ông Nguyễn Tri Nghĩa - Thành viên Hội đồng quản trị.

- Thời điểm miễn nhiệm: sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Thống nhất bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2027, như sau:

- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 02 thành viên.

- Số lượng ứng cử viên tối đa: không hạn chế

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

+ Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

+ Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiến



QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023-2027

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco nhiệm kỳ 2023-2027 được thực hiện theo những quy định như sau:

I. Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 02 thành viên
2. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT được bầu bổ sung: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2027.
3. Số lượng ứng cử viên tối đa: không hạn chế
4. Điều kiện ứng cử, đề cử:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - b. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết
6. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).

II. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu của mỗi cổ đông được ghi rõ họ tên, mã số cổ đông, số cổ phần mà cổ đông đó đại diện nắm giữ, và số phiếu bầu tương ứng. Trên mỗi phiếu bầu cạnh cột “Ứng cử viên” có cột “Số phiếu bầu”, việc bầu phiếu được thực hiện bằng việc điền số phiếu bầu vào dòng tương ứng của ứng viên mà mình tín nhiệm.

Cổ đông có thể dồn hết số phiếu bầu của mình cho một ứng viên, hoặc chia đều, hay không đều cho các ứng viên sao cho tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá số phiếu bầu của cổ đông.

3. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- a. Phiếu không theo mẫu, không có dấu treo của Công ty;
- b. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã in sẵn;
- c. Phiếu không bầu cho bất kỳ ai trong danh sách ứng viên;

- d. Phiếu bầu thừa so với số lượng đã được Đại hội quyết định;
- e. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu;
- f. Phiếu ghi tỷ lệ phần trăm vào cột “Số phiếu bầu”.

III. Nguyên tắc trúng cử

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Trường hợp có nhiều ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì ứng viên nào sở hữu nhiều cổ phiếu hơn sẽ được chọn.

3. Trường hợp số cổ phần sở hữu cũng bằng nhau thì tiến hành bầu lần 2 đối với các ứng viên này. Nếu bầu lần 2 vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không sẽ do Đại hội quyết định.

IV. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử thành viên HĐQT

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT bao gồm:

1. Đơn xin đề cử/ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
3. Bản sao có công chứng: Căn cước công dân, CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng cử viên;
4. Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm cổ đông đề cử, theo mẫu).

Ghi chú: Các biểu mẫu được công bố tại website <http://www.safocofood.com>

Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco thông qua.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyen Van Hien



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP1, P. Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.com

TỜ TRÌNH

Về danh sách ứng cử viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Quy chế bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ hồ sơ ứng cử và đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông gửi về Công ty tính đến 16h00 ngày 28/3/2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Stt	Họ và tên ứng viên	Chức danh quản lý hiện nay tại Công ty và tổ chức khác	Đơn vị đề cử/ứng cử
01	Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	Trưởng Ban Tổ chức kiêm Phụ trách điều hành Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bột mì Bình An. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bao bì Bình Tây. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến Thành – Mũi Né.	TCT Lương thực miền Nam – CTCP đề cử (Cổ đông lớn sở hữu 51,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết)
02	Ông Nguyễn Quang Tâm	Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng hợp Tổng công ty Lương thực miền Nam; Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.	TCT Lương thực miền Nam – CTCP đề cử (Cổ đông lớn sở hữu 51,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết)

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiến